

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **35/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/9/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Chu Thị Tuyết**

2. Ông **Đỗ Quang Linh**

- *Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt*

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đình Thị Th., sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P 503 – A6, phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Địa chỉ cư trú: Xóm TB., xã ĐT., huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Anh Ngô Minh T.**, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú: P 503 – A6, phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, chị Đinh Thị Th. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Th. xin ly hôn với anh Ngô Minh T..

Về con chung: Anh chị có một con chung là Ngô Bảo Ch.. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được nuôi con chung, không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

- 1) 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- 2) 02 CMTND của vợ chồng (bản sao);
- 3) 01 Giấy khai sinh của con chung (bản sao);
- 4) 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao);
- 5) 01 đơn xác nhận tình trạng chung sống của vợ chồng;
- 6) 01 đơn đề nghị của con chung.

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Đinh Thị Th. trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Ngô Minh T. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/07/2007 tại UBND phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2010. Nay

tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T..

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Ngô Bảo Ch., sinh ngày 19/8/2007. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi con chung, không yêu cầu anh T. đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T. không tham gia phiên họp. Ngày 20/8/2019, chị Th. có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 bộ luật tố tụng Dân sự. Ngày 22/8/2019, tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay,

Chị Đinh Thị Th. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Minh T.; Về con chung: Ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi con chung Ngô Bảo Ch., không yêu cầu anh T. đóng góp tiền nuôi con chung; Tài sản chung vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa giải quyết; về công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: P 503 – A6, phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Do đó vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền của TAND quận Thanh Xuân.

[2] Về hôn nhân:

Chị Đinh Thị Th. và anh Ngô Minh T. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/07/2007 tại UBND phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị Th., cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010. Nay chị Th. xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T..

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh T. không đến Tòa làm việc, không trình bày quan điểm của mình về việc chị Th. xin ly hôn, không tham gia các phiên hòa giải, điều đó chứng tỏ anh T. không tha thiết níu kéo hạnh phúc gia đình. Hơn nữa, theo xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng của Tổ trưởng tổ dân phố nơi anh chị sinh sống, thể hiện anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay (08 năm) do anh T. là đối tượng nghiện, phải đi cai nghiện.

Điều này thể hiện hôn nhân của anh chị rơi vào tình trạng mâu thuẫn vô cùng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị Th., chị Th. được ly hôn với anh Ngô Minh T..

[3] Về nuôi con chung: Tại đơn trình bày nguyện vọng của con chung – cháu Ngô Bảo Ch. cho thấy cháu đang học tại Trường trung học cơ sở ĐT., huyện Tân Lập, tỉnh Phú Thọ (nơi chị Đinh Thị Th. đang sinh sống) và cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T. không có đơn trình bày nguyện vọng về việc giao nuôi con. Như vậy, để đảm bảo sự phát triển cũng như sự ổn định trong cuộc sống của cháu, nên giao con chung Ngô Bảo Ch. cho chị Đinh Thị Th. trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th. không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cho anh T. cho đến khi chị Th. có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản chung: không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Th. phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị Th. đối với anh Ngô Minh T., chị Th. được ly hôn với anh T..

2- Về nuôi con chung: Giao con chung là Ngô Bảo Ch., sinh ngày 19/8/2007 cho chị Đinh Thị Th. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cho anh Ngô Minh T. cho đến khi chị Th. có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4- Về án phí: Chị Đinh Thị Th. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th. đã nộp theo biên lai số 0006076 ngày 04.7.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5- Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Hồng Vân